TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 256/2023/DS-ST
Ngày: 03/8/2023
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY - TỈNH TIỀN GIANG

- **TH2nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Vũ Hoài Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Võ Hồng Vinh;

2/ Ông Bùi Trung Tiến.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây,tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây:* Ông Nguyễn Văn Quí – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2023/TLST-DS ngày 29/3/2023 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2023/QĐXXST-DS ngày 30/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2023/QĐST – DS ngày 17/7/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Phượng L, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Ủy quyền cho chị Đỗ Thị Thu N, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: khu phố 3, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:*

1. Chị Huỳnh Thị Ánh H1, sinh năm 1971 (có mặt).

2. Anh Võ Văn H2, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2023, tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn là chị N trình bày: Do quen biết nên phía chị L có cho vợ chồng chị H1 và anh H2 vay tiền và chơi hụi, cụ thể:

- Ngày 21/3/2022 (âm lịch), cho mượn số tiền là 10.000.000đồng (mười triệu đồng), lãi suất thoả thuận là 2%/ tháng, thoả thuận trả lãi hàng tháng. Khi mượn tiền chị H1 có ký tên vào biên nhận mượn tiền ngày 21/3/2022.

- Ngày 25/03/2022 (âm lịch), cho mượn số tiền là 10.000.000đồng (mười triệu đồng), lãi suất thoả thuận là 2%/ tháng, thoả thuận trả lãi hàng tháng. Khi mượn tiền chị H1 có ký tên vào biên nhận mượn tiền ngày 25/3/2022.

- Ngày 26/5/2022 (âm lịch), cho mượn số tiền là 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng), lãi suất thoả thuận là 2%/ tháng, thoả thuận trả lãi hàng tháng. Khi mượn tiền chị H1 có ký tên vào biên nhận mượn tiền ngày 26/5/2022.

- Cũng trong ngày 26/5/2022 (âm lịch), cho mượn thêm số tiền là 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng), lãi suất thoả thuận là 2%/ tháng, thoả thuận trả lãi hàng tháng. Khi mượn tiền chị H1 có ký tên vào biên nhận mượn tiền ngày 26/5/2022.

- Ngày 15/7/2022 (âm lịch), cho mượn số tiền là 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng), lãi suất thoả thuận là 2%/ tháng, thoả thuận trả lãi hàng tháng. Khi mượn tiền chị H1 có ký tên vào biên nhận mượn tiền ngày 15/7/2022.

- Ngày 05/8/2022 (âm lịch), cho mượn số tiền là 30.000.000đồng (năm mươi triệu đồng), lãi suất thoả thuận là 2%/ tháng, thoả thuận trả lãi hàng tháng. Khi mượn tiền chị H1 có ký tên vào biên nhận mượn tiền ngày 05/8/2022.

Tổng cộng chị H1 mượn chị L là 140.000.000đ, chị H1 có đóng lãi đến hết tháng 10/2022 (âm lịch), thì ngưng không đóng nữa.

Ngoài ra, chị H1 có làm chủ hụi, chị L là hụi viên tham gia, thì giữa chị L và chị H1 đã thống nhất chị H1 còn nợ chị L là 8.000.000đ.

Chị H1 còn có tham gia hụi do chị L làm chủ hụi, thì chị H1 còn nợ chị L số tiền cụ thể như sau:

- Dây hụi 1.000.000đ/ phần vào ngày 10/12/2021, (gom tiền ngày 15), chị H1 chơi 02 phần, 01 tháng khui 01 lần. Chị H1 đã hốt hụi, hiện dây hụi này chị H1 còn nợ lại 10 kỳ hụi chết với số tiền 10.000.000đ/phần x 02 phần là 20.000.000đ.

- Dây hụi 2.000.000đ/ phần vào ngày 15/10/2021, (gom tiền ngày 20), chị H1 chơi 03 phần, 01 tháng khui 01 lần. Chị H1 đã hốt hụi, hiện dây hụi này chị H1 còn nợ lại 06 kỳ hụi chết với số tiền 12.000.000đ/phần x 03 phần là

36.000.000đ.

- Dây hụi 2.000.000đ/ phần vào ngày 20/4/2021, (gom tiền ngày 25), chị H1 chơi 02 phần, 01 tháng khui 01 lần. Chị H1 đã hốt hụi, hiện dây hụi này chị H1 còn nợ lại 01 kỳ hụi chết với số tiền 2.000.000đ/phần x 02 phần là 4.000.000đ.

- Dây hụi 2.000.000đ/ phần vào ngày 25/06/2022, (gom tiền ngày 30), chị H1 chơi 01 phần, 01 tháng khui 01 lần. Chị H1 đã hốt hụi, hiện dây hụi này chị H1 còn nợ lại 18 kỳ hụi chết với số tiền 36.000.000đ/phần x 01 phần là 36.000.000đ.

Tổng số tiền nợ hụi là 104.000.000 đồng. Phí chị L có nợ chị H1 số tiền nợ là 16.000.000 đồng nên đồng ý cấn trừ nên chị H1 còn nợ số tiền là 88.000.000 đồng.

Do đó, tổng 02 khoản nợ, phía chị H1 và anh H2 còn nợ phía chị L là 228.000.000 đồng.

Sau đó, chị L có đề nghị vợ chồng chị H1 trả nợ, thì anh H2 là chồng chị H1 xin chị L ra giêng bán đất để trả nợ. Chị H1 có đưa cho chị L bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01695 do Uỷ ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 19/6/2009 do Võ Văn H2 đứng tên để làm tin đối với số nợ nêu trên và phía chị L cũng đã đồng ý trả trong vụ án khác.

Nay phía chị L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc phía chị H1 và anh H2 phải trả cho chị L số tiền nợ là 218.000.000 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ.

* Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn là chị Huỳnh Thị Ánh H1 trình bày: Thống nhất lời trình bày của phía chị L và thừa nhận còn nợ chị L số tiền là 228.000.000 đồng. Đây là tiền nợ riêng của Chị nhưng Chị sử dụng tiền này vào mục đích kinh tế gia đình nên Chị đồng ý cùng anh H2 trả nợ cho phía chi L.

Nay phía chị L chỉ đòi chị số tiền nợ là 218.000.000 đồng, Chị đồng ý cùng anh H2 trả số tiền này cho phía chị L.

* Phần trình bày của anh H2: Tòa án không thu thập được tài liệu, chứng cứ từ phía anh H2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị L có đơn khởi kiện đối với chị H1 và anh H2. Chị H1 và anh H2 có địa chỉ tại địa bàn huyện Gò Công Tây nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị L có đơn khởi kiện chị H1 và anh H2 để tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi. Căn cứ vào Điều 463 và Điều 471 Bộ Luật dân sự nên quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng góp hụi".

[3]. Về yêu cầu đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, phía chị L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu số tiền là 218.000.000 đồng. Việc thay đổi này phù hợp pháp luật và hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tại phiên tòa phía chị L và chị H1 đã thống nhất được số tiền nợ, phương thức trả nợ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với anh H2, Anh vắng mặt trong quá trình giải quyết vụa án và là cH1 của chị H1, chị H1 thừa nhận sử dụng tiền nợ vào nhu cầu thiết yếu của gia đình nên cần buộc anh H2 cùng chị H1 trả nợ cho chị L.

[4]. Về yêu cầu tính lãi: Từ khi thụ lý đến ngày xét xử sơ thẩm phía nguyên đơn là chị L không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của chị L được chấp nhận nên Chị được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Chị H1 và anh H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 463 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Nghị định số 19/2019/NĐCP ngày 19/02/2019 của Chính phủ;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Phượng L.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Huỳnh Thị Ánh H1 đồng ý trả cho chị L số tiền nợ là 218.000.000 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Buộc anh Võ Văn H2 có nghĩa vụ cùng chị H1 trả cho chị L số tiền nợ là 218.000.000 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị H1 và anh H2 chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì hàng tháng chị H1 và anh H2 còn phải trả thêm phần tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí:

2.1. Buộc chị Huỳnh Thị Ánh H1 và anh Võ Văn H2 phải chịu 10.900.000 án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Chị L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 5.990.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0026980 ngày 29/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo Bản án, riêng đương sự vắng mặt, thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hình án dân sự thì người được thi hình án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hình án, quyền yêu cầu thi hình án, tự nguyện thi hình án hoặc bị cưỡng chế thi hình án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hình án dân sự; Thời hiệu thi hình án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hình án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND H.GCT;
- Chi cục THADS H.GCT;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu .

Ngô Vũ Hoài Phương

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND H.Chợ Gạo;
- Chi cục THADS H.Chợ Gạo;
- Các đương sự (để thi H2nh);
- Lưu .

Ngô Vũ Hoài Phương